

Họ và tên:

1

D. Đồi nguyên, rừng lá kim, thảo nguyên, hoang mạc, bán hoang mạc, núi cao, xavan, cây bụi.

Câu 7. Dân cư, xã hội Châu Á có đặc điểm gì?

- A. Một châu lục đông dân nhất thế giới. B. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc.
C. Nơi ra đời của các tôn giáo lớn. D. Tất cả ý trên.

Câu 8. Quốc gia có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao nhất Châu Á là quốc gia nào?

- A. Trung Quốc. B. Ấn Độ. C. Hàn Quốc. D. Nhật Bản.

Câu 9. Quốc gia nào hiện nay có mức độ công nghiệp hóa cao và nhanh?

- A. Trung Quốc. B. Ấn Độ. C. Hàn Quốc. D. Nhật Bản.

Câu 10. Các nước khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có loại cây trồng chủ yếu nào?

- A. Lúa mì, bông, chà là. B. Lúa gạo, ngô, chà là.
C. Lúa gạo, ngô, chè. D. Lúa gạo, lúa mì cò dầu.

Câu 11. Nhận xét nào sau đây *không đúng* về đặc điểm phát triển ngành công nghiệp của các nước Châu Á?

- A. Sản xuất công nghiệp rất đa dạng ở các nước Châu Á.
B. Hầu hết các nước phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
C. Sản xuất công nghiệp của các nước Châu Á phát triển nhất trên thế giới.
D. Sản xuất công nghiệp không đều giữa các nước Châu Á.

Câu 12. Nhận xét nào *không đúng* với đặc điểm vị trí địa lí của Tây Nam Á?

- A. Nằm ở ngã ba của ba châu lục.
B. Tiếp giáp với nhiều vùng biển.
C. Có vị trí chiến lược về kinh tế- chính trị.
D. Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.

Câu 13. Địa hình chủ yếu của Tây Nam Á là gì?

- A. Núi và cao nguyên. B. Đồng bằng.
C. Đồng bằng và bán bình nguyên. D. Đồi núi.

Câu 14. Ngành công nghiệp nào phát triển mạnh ở Tây Nam Á?

- A. Khai thác và chế biến than đá.
B. Công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ.
C. Công nghiệp điện tử-tin học.
D. Công nghiệp nguyên tử, hàng không vũ trụ.

Câu 15. Nguyên nhân chủ yếu làm tình hình Tây Nam Á không ổn định là gì?

- A. Vị trí chiến lược quan trọng. B. Nguồn tài nguyên giàu có.
C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 16. Nam Á tiếp giáp với những khu vực nào của Châu Á?

- A. Đông Nam Á. B. Trung Á. C. Tây Nam Á. D. Cả 3 khu vực trên.

Câu 17. Ở giữa của Nam Á là miền địa hình gì?

- A. Hệ thống dãy Hi-ma-lay-a. B. Sơn nguyên Đê-can.
C. Dãy Gác Đông và Gác Tây. D. Đồng bằng Ấn-Hằng.

Câu 18. Nhân tố nào ảnh hưởng rõ rệt đến sự phân hóa của khí hậu Nam Á?

- A. Vĩ độ. B. Gió mùa. C. Địa hình. D. Kinh độ.

Câu 19. Gió mùa mùa đông của khu vực Nam Á có hướng gì?

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nam. D. Đông Nam.

Câu 20. Gió mùa mùa hạ của khu vực Nam Á có hướng gì?

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nam. D. Đông Nam.

Câu 21. Nam Á là khu vực đông dân thứ mấy của Châu Á?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 22. Dân cư Nam Á chủ yếu theo tôn giáo nào?

- A. Ấn Độ giáo và Hồi giáo. B. Ấn Độ giáo và Ki-tô-giáo.
C. Ấn Độ giáo và Phật giáo. D. Phật giáo và Hồi giáo.

Câu 23. Đông Á tiếp giáp với đại dương nào?

- A. Bắc Băng Dương. B. Ấn Độ Dương.
C. Thái Bình Dương. D. Đại Tây Dương.

Câu 24. Phần đất liền của Đông Á chiếm bao nhiêu phần lãnh thổ của Đông Á?

- A. 80,7% B. 81,7% C. 82,7% D. 83,7%

Câu 25. Hệ thống núi, sơn nguyên cao hiểm trở và các bồn địa rộng phân bố ở đâu phần đất liền của Đông Á?

- A. Phía Tây Trung Quốc. B. Phía Đông Trung Quốc.
C. Bán đảo Triều Tiên. D. Toàn bộ lãnh thổ phần đất liền.

Câu 26. Hệ thống sông lớn của Đông Á có lũ vào mùa nào?

- A. Thu đông. B. Đông xuân.
C. Cuối xuân đầu hạ. D. Cuối hạ, đầu thu.

Câu 27. Quốc gia có số dân đông nhất Đông Á là quốc gia nào?

A. Nhật Bản. B. Trung Quốc. C. Hàn Quốc. D. Triều Tiên.

Câu 28. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm phát triển kinh tế của các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Á?

- A. Phát triển nhanh và duy trì tốc độ tăng trưởng cao.
- B. Quá trình phát triển từ sản xuất thay thế hàng nhập khẩu đến sản xuất để xuất khẩu.
- C. Có nền kinh tế đang phát triển, sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu.
- D. Các nước phát triển mạnh: Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc.

Câu 29. Nước nào có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Nam Á?

A. Ấn Độ. B. Trung Quốc. C. Nhật Bản. D. Hàn Quốc.

Câu 30. Trong những năm trở lại đây nền kinh tế Trung Quốc có những thành tựu nào?

- A. Nền nông nghiệp phát triển nhanh và tương đối toàn diện.
- B. Phát triển nhanh chóng một nền công nghiệp hoàn chỉnh, phát triển các ngành công nghiệp hiện đại.
- C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định.
- D. Cả 3 đáp án trên.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. So sánh sự giống và khác nhau về địa hình của khu vực Tây Nam Á và Nam Á?

❖ *Giống nhau:* Khu vực Tây Nam Á và Nam Á đều có 3 miền địa hình.

❖ *Khác nhau:*

- Ở khu vực Tây Nam Á: Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên, theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam.

+ Phía Bắc và Đông Bắc là núi cao, giữa là đồng bằng Lưỡng Hà do sông Ti-grơ và sông Ô-phrat bồi đắp.

+ Phía Nam là sơn nguyên A-rap.

- Ở khu vực Nam Á:

+ Phía Bắc là hệ thống núi Hi-ma-lay-a cao đồ sộ, chạy theo hướng Tây Bắc đến Đông Nam.

+ Ở giữa là đồng bằng Ấn - Hằng rộng và bằng phẳng dài trên 3000 km.

+ Phía Nam là sơn nguyên Đê-can với rìa Gát Tây và Gát Đông.

Câu 2. Trình bày những điểm khác nhau về địa hình phần đất liền và phần hải đảo của khu vực Đông Á?

Địa hình phần đất liền	Địa hình phần hải đảo
- Chiếm tới 83,7% diện tích lãnh thổ.	- Nằm trong “vòng đai lửa Thái Bình Dương”.
- Có các hệ thống núi, sơn nguyên cao, hiểm trở và các bồn địa rộng phân bố ở nửa phía Tây Trung Quốc, nhiều núi có băng hà bao phủ quanh năm.	- Đây là miền núi trẻ thường có động đất và núi lửa hoạt động gây tai họa cho nhân dân.
- Các vùng đồi, núi thấp xen các đồng bằng rộng và bằng phẳng, phân bố ở phía Đông Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên.	- Ở Nhật Bản có các núi cao, phần lớn là núi lửa.
- Là nơi bắt nguồn của nhiều hệ thống sông lớn.	- Sông ngòi tương đối nghèo nàn, ngắn, nhỏ.

Câu 3. Em hãy nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Ấn Độ. Sự chuyển dịch đó phản ánh xu hướng phát triển kinh tế như thế nào?

Bảng 11.2. Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Ấn Độ

Các ngành kinh tế	Tỉ trọng trong cơ cấu GDP (%)		
	1995	1999	2001
- Nông - Lâm - Thủy sản	28,4	27,7	25,0
- Công nghiệp-Xây dựng	27,1	26,3	27,0
- Dịch vụ	44,5	46,0	48,0

- **Nhận xét:** Cơ cấu ngành kinh tế Ấn Độ có sự chuyển dịch theo hướng
 - + Tăng tỉ trọng ngành dịch vụ (từ 44,5% lên 48%).
 - + Giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp (từ 28,4% xuống 25%).
 - + Tỉ trọng ngành công nghiệp xây dựng có giảm nhẹ và chưa ổn định, nhưng nhìn chung không đáng kể (27,1% xuống 27%).
- ⇒ Sự chuyển dịch trên thể hiện những thành tựu trong sự phát triển kinh tế Ấn Độ, đã xây dựng được một nền kinh tế tự chủ, nền công nghiệp hiện đại.

Câu 4. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, em hãy cho biết:

Quốc gia	Sản lượng than (triệu tấn)		Sản lượng dầu mỏ (triệu tấn)	
	Khai thác	Tiêu dùng	Khai thác	Tiêu dùng
Trung Quốc	1250	1228	161	173,7
Nhật Bản	3,6	132	0,45	214,1
Ấn-đô-nê-xi-a	60,3	14	65,48	45,21
A-rập Xê-út			431,12	92,4
Cô-oét			103,93	43,6
Ấn Độ	297,8	312	32,97	71,5

a) Những nước nào khai thác than và dầu mỏ nhiều nhất?

- Những nước khai thác than nhiều nhất là: Trung Quốc (1250 triệu tấn), Ấn Độ (297,8 triệu tấn).
- Những nước khai thác dầu mỏ nhiều nhất là: A-rập Xê-út (431,12 triệu tấn), Trung Quốc (161 triệu tấn).

b) Những nước nào sử dụng các sản phẩm khai thác chủ yếu để xuất khẩu?

- Những nước sử dụng các sản phẩm khai thác chủ yếu để xuất khẩu đó là: I-đô-nê-xi-a xuất khẩu than, A-rập Xê-út và Cô-oét xuất khẩu dầu mỏ.

--- HẾT ---